

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 10/01/2025

V/v tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con chung”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhan .

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Thúy, bà Nguyễn Thị Bích Nga.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Hồng Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Văn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 655/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/12/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 138/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18/12/2024, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa ngày 25/12/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1993; ĐKKHKT và hiện cư trú: Thôn B, xã V, huyện V, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh **Bùi Đức B**, sinh năm 1990.

ĐKKHKT và cư trú tại: Đ, thôn D, xã T, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, đơn đề nghị của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H, thể hiện: Chị và anh B được tự do tìm hiểu nhau khoảng 02 năm thì cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 08/02/2017. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vấn đề kinh tế gia đình, mặc dù anh B cũng đã hứa thay đổi nhưng anh B vẫn không thay đổi. Vợ chồng đã ly thân không ai quan tâm đến ai. Anh B cũng không có trách nhiệm gì với gia đình, vợ con. Đến nay chị nhận thấy tình cảm với anh B không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh B để hai bên sớm ổn định cuộc sống; Vợ chồng chị có 02 con chung là Bùi Nhật A, sinh ngày 20/7/2020 và Bùi Nhật

K, sinh ngày 20/7/2020. Hiện các con chung đều vẫn đang sống cùng chị nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung, chị tự nguyện không yêu cầu anh B cấp dưỡng tiền nuôi con chung; Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và công sức đóng góp với gia đình hai bên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án anh Bùi Đức B trình bày: Về điều kiện kết hôn thống nhất như phần trình bày của chị H. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do vấn đề kinh tế gia đình, bản thân anh làm ăn nhưng thua lỗ dẫn đến cuộc sống gia đình căng thẳng. Vợ chồng đã ly thân. Bản thân anh vẫn còn tình cảm với chị H nên mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con chung. Do vậy, chị H xin ly hôn anh không đồng ý. Trường hợp chị H vẫn cương quyết ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết theo mong muốn của chị H; Vợ chồng có hai con chung thống nhất như phần trình bày của chị H, anh cũng có nguyện vọng nuôi con tuy nhiên các con còn nhỏ nên chị H đề nghị được nuôi 02 con và tự nguyện không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con, anh đồng ý. Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và công sức đóng góp với gia đình hai bên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai người thân gia đình chị H thể hiện: Chị H, anh B lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vấn đề kinh tế gia đình. Vợ chồng đã ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay chị H xin ly hôn anh B đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 147, Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Bùi Đức B; Về con chung: Đề nghị giao cháu Bùi Nhật A, sinh ngày 20/7/2020 và Bùi Nhật K, sinh ngày 20/7/2020 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, anh B không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật được đối trừ vào số

tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Anh B đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại xã T, thành phố H. Chị H đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Anh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị H, anh B là phù hợp quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị H, anh B được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định. Do vậy, quan hệ hôn nhân của chị H, anh B là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do vấn đề kinh tế gia đình dẫn đến cuộc sống vợ chồng căng thẳng. Vợ chồng đã sống ly thân, không có sự yêu thương, chăm sóc nhau. Mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình hòa giải nhưng vẫn không khắc phục được. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn anh B, anh B không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra giải pháp để khắc phục được tình trạng vợ chồng, chị H cương quyết xin ly hôn thì anh B đề nghị giải quyết theo mong muốn của chị H. Lời khai của chị H, anh B về tình trạng vợ chồng và nguyên nhân mâu thuẫn phù hợp với lời khai người làm chứng. Hội đồng xét xử xét thấy chị H, anh B đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị H ly hôn anh B là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.2] *Về con chung:* Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Nhật A, sinh ngày 20/7/2020 và Bùi Nhật K, sinh ngày 20/7/2020. Hiện các con chung đang sống cùng chị H, chị có nguyện vọng nuôi cả hai con và tự nguyện không yêu cầu anh B cấp dưỡng tiền nuôi con chung, anh B đồng ý. Do vậy để đảm bảo sự ổn định cho các con, cần giao cả 02 con chung cho chị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh B cấp dưỡng tiền nuôi con chung là phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình hai bên:* Chị H, anh B đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và

công sức đóng góp cho gia đình hai bên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị H xin ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Bùi Đức B.

- Về con chung: Xử giao cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Bùi Nhật A, sinh ngày 20/7/2020 và Bùi Nhật K, sinh ngày 20/7/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh B cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh B được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000821 ngày 30/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương. Chị H đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí ly hôn sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Đức B vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hải Dương;
- Chi cục THADS TP. Hải Dương;
- Các đương sự;
- UBND xã Tiền Tiến, huyện Thanh Hà (nay là TP Hải Dương), tỉnh Hải Dương để lưu hồ tịch (ĐKKH: 08/02/2017);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhan

